

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ - ST
Ngày 31-8-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Dơ và ông Phạm Văn Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thuỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc: Ly hôn, Tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị Th; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản Y, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn H; Sinh năm 1991; Nơi cư trú: Bản Y, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị Th có mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và bản tự khai ngày 08/7/2020, nguyên đơn chị Quàng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Quàng Thị Th và anh Lò Văn H kết hôn với nhau ngày 26/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th và anh H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma túy, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên

đánh chị Th, đốt quần áo của chị Th và các con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Chị Th và anh H đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân chị Th và anh H không liên lạc cho nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại chị Th không còn tình cảm với anh H, vì vậy chị Th xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 02 con chung là Lò Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2011 và Lò Thị Ngọc T, sinh ngày 16/3/2015. Hiện tại cháu Kh và cháu T đang ở cùng với chị Th ở Bản Y, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu Kh và cháu T đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/5/2020 Chị Th có giao nộp cho Tòa án 01 đơn đánh máy của chị có xác nhận xác nhận của Trưởng bản Bản Y và UBND xã MT, huyện TG về tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 19/5/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Lò Văn H nhưng anh H không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập, cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn H tại Nhà văn hoá bản Y, Trụ sở UBND xã MT và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Ngày 19/5/2020, qua xác minh thông tin của ông Lò Văn Ng, Trưởng bản Bản Y, xã MT thì hiện tại anh H đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Anh H đi về thất thường do công việc làm thuê không ổn định, khi đi làm anh H cũng không khai báo tạm vắng, công việc và địa chỉ cụ thể anh H cũng không báo cho chính quyền. Hiện tại anh H vẫn có hộ khẩu ở bản Y, xã MT, huyện TG.

Cùng ngày 19/5/2020, Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Phan Th C, Trưởng Công an xã MT, huyện TG. Ông C cho biết: Anh Lò Văn H là công dân xã MT, hiện tại đi làm thuê không thường xuyên có mặt tại địa phương, công việc không ổn định đi về thất thường, khi đi không khai báo tạm vắng, không cất chuyển khẩu đi đâu, hiện tại vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại Bản Y, xã MT, huyện TG.

Ngày 22/6/2020 đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án niêm yết công khai tại Nhà văn hoá bản Y, Ủy ban nhân dân xã MT và trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 08/7/2020 Tòa án nhân dân đã thông báo kết quả phiên họp và làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Th cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/7/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 14/8/2020 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST – HNGĐ, ngày 14/8/2020 để đảm bảo quyền lợi cho anh H. Tuy nhiên đến phiên tòa lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Việc anh H cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị Th có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th; *Về con chung, con riêng:* Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai cháu Lò Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2011 và Lò Thị Ngọc T, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; *Về quan hệ tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Quàng Thị Th xin ly hôn với anh Lò Văn H và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Th và anh H kết hôn năm 2011, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 31/8/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lò Văn H theo quy định tại điểm điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H kết hôn ngày 26/7/2011, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị Th và anh H là hợp pháp. Chị Th có đơn xin ly hôn với anh H là do anh H nghiện chất ma túy, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên đánh chị Th, đốt quần áo của chị Th và các con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/5/2020, chính quyền địa pH cũng thừa nhận việc chị Th và anh H có mâu thuẫn là do anh H có sử dụng chất ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con chị Th, nhiều lần cãi vã to tiếng với nhau. Chị Th và hai con chung đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ thời điểm chị Th và anh H sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th và anh H đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân giữa chị Th và anh H không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và cũng không điện thoại hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, anh H đã được Toà án thông báo về việc chị Th xin ly hôn với anh nhưng anh H không có ý kiến gì gửi cho Toà. Việc chị Th xin ly với anh H phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh H.

[6]. Về con chung: Chị Th và anh H có 02 con chung là Lò Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2011 và Lò Thị Ngọc T, sinh ngày 16/3/2015. Hiện tại cháu Kh và cháu T đang ở cùng với chị Th ở bản Bông Yên, xã Mường Thín, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tại văn bản xác nhận mà chị Th cung cấp cho Toà án ngày 15/5/2020 chị Th có nguyện vọng nuôi hai con chung và Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 19/5/2020 chính quyền địa phương cũng xác nhận hiện tại hai con chung đang sống cùng chị Th, do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có xác nhận về nguồn thu nhập ổn định của từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/một tháng đảm bảo về điều kiện nuôi con của chị Th. Xét đề nghị của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lò Quốc Kh, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng các con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Kh, cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Kh, cháu T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp

đưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Th phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị Th là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản Yên, xã Mường Thín, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Th được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Quảng Thị Th được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lò Quốc Kh sinh ngày 02/9/2011 và Lò Thị Ngọc T, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh, cháu T thành niên và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn H lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Quảng Thị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lò Văn H.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2020). Anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

